

Số: 3580 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Sinh học và Công nghệ Nông nghiệp

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Trên cơ sở Quyết định số 3189/QĐ-HVN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc thành lập Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp; xét đề nghị của Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp (tại Tờ trình số 02/TTr-SCN ngày 09 tháng 7 năm 2025) và theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5182/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quyết định số 5204/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Viện trưởng Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp, Trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT (để b/c);
- Lưu: VT, TCCC.

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Lan



QUY CHẾ

Nh chế và hoạt động của Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp

(Kèm theo Quyết định số **3580** /QĐ-HVN ngày 18 tháng 7 năm 2025
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Chương I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi chung là Học viện).

2. Viên chức, người lao động của Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp (sau đây gọi chung là Viện) là đơn vị thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam, có con dấu, tài khoản riêng mở tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại để thực hiện các giao dịch theo quy định của pháp luật và của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi chung là Học viện) trong nghiên cứu khoa học, sản xuất thử nghiệm, công nhận giống cây trồng và tiến bộ kỹ thuật; chế phẩm sinh học, sản phẩm cây trồng; phân bón, giá thể trồng cây; các loại dịch vụ liên quan đến khoa học và công nghệ; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trong lĩnh vực nông học, công nghệ sinh học; ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao liên quan đến nông nghiệp; hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên, hạch toán phụ thuộc, tự chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Học viện về những hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được giao.

2. Tên tổ chức

a) Tên viết đầy đủ bằng tiếng Việt: Viện Sinh học và Công nghệ nông nghiệp.
Tên viết tắt là: SCN

b) Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Institute of Biology and Agricultural Technology. Tên viết tắt là: IBAT

3. Trụ sở chính của Viện đặt tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

1. Viện làm việc theo chế độ thủ trưởng; mọi hoạt động của Viện phải tuân thủ các quy định của Học viện và pháp luật.

2. Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ giao một bộ phận chức năng/chuyên môn chủ trì. Trưởng bộ phận chức năng/chuyên môn phải chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Viên chức và người lao động (sau đây gọi chung là người lao động) của Viện phải thực hiện các công việc đúng phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm được phân công; tuân thủ trình tự, thủ tục và thời gian theo đúng quy định. Trường hợp đột xuất hoặc có yêu cầu khác của Học viện phải xin ý kiến Viện trưởng để giải quyết.

3. Phát huy năng lực và sở trường của người lao động, đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Chế độ, cách thức làm việc, quan hệ công tác, trình tự giải quyết công việc thực hiện theo Quy chế này và quy định, quy chế của Học viện.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Chức năng

1. Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, sản xuất thử nghiệm và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận giống cây trồng, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin trong nông nghiệp, chế phẩm vi sinh, phân bón và các sản phẩm cây trồng.

2. Thực hiện các dịch vụ về khoa học và công nghệ: Thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ, tổ chức hội thảo,...

3. Thực hiện dịch vụ cung ứng sản phẩm cây trồng, vi sinh, vật tư nông nghiệp và tư vấn kỹ thuật sản xuất.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong lĩnh vực nông học và công nghệ sinh học cho cơ quan, tổ chức và các cá nhân có nhu cầu. Tham gia đào tạo các bậc đào tạo để cấp văn bằng thuộc ngành/chuyên ngành công nghệ sinh học, di truyền và chọn giống cây trồng, khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật,... theo quy định.

5. Tham gia đấu thầu các chương trình, nhiệm vụ, đề tài, dự án trong và ngoài nước theo quy định.

6. Hợp tác nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định.

7. Biên soạn tài liệu phổ biến kỹ thuật trong nông nghiệp.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khác có liên quan đến chuyên môn theo yêu cầu của Học viện. Tổ chức thực hiện theo chức năng ở Điều 4 của Quy chế này.
2. Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chương trình, kế hoạch và mục tiêu phát triển của Viện trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
3. Chủ trì, tổ chức thực hiện các dự án trong nước, quốc tế về khoa học công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo quy định.
4. Chủ trì và phối hợp với các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia tuyển chọn hoặc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn được giao theo đúng quy định của Nhà nước và Học viện.
5. Tổ chức ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.
6. Hợp tác với các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ tư vấn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu của xã hội về lĩnh vực chuyên môn theo đúng quy định.
7. Hợp tác với các đơn vị, liên doanh, liên kết, nhận tài trợ từ tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định.
8. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.
9. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và của Học viện.
10. Được vay, mượn vốn của các tổ chức, cá nhân để đầu tư mở rộng hoạt động nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Viện và chịu trách nhiệm trả khoản vay, mượn theo quy định.
11. Quyết định tổ chức bộ máy, số người làm việc, tuyển dụng, ký và chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Viện theo đúng quy định của Nhà nước và của Học viện. Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể và bổ nhiệm/giao nhiệm vụ, cho thôi chức vụ/nhiệm vụ đối với các chức danh của các đơn vị thuộc Viện.
12. Quyết định mức lương, phụ cấp lương, chi bổ sung, tăng thêm và các chế độ ưu đãi cụ thể khác đối với cá nhân làm việc tại Viện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.
13. Quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động của Viện được Học viện giao theo đúng quy định.
14. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động và sử dụng kinh phí đầu tư, nhận ủy thác cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật.

15. Đăng ký, lưu trữ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định.

16. Bảo vệ lợi ích, giữ gìn và phát triển thương hiệu của Viện, Học viện trong các quan hệ giao dịch, hợp tác với tổ chức, cá nhân ngoài Học viện.

17. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

18. Thực hiện nghĩa vụ và cơ chế quản lý tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước, Học viện và Quy chế quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ của Viện.

19. Thực hiện chế độ kế toán, thông tin, báo cáo, kiểm tra, thanh tra theo quy định.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Giám đốc Học viện giao.

Điều 6. Nghĩa vụ

1. Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

3. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động và sử dụng kinh phí đầu tư, nhận ủy thác cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật.

5. Đăng ký, lưu trữ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Bảo vệ lợi ích, giữ gìn và phát triển thương hiệu của Học viện trong các quan hệ giao dịch, hợp tác với tổ chức, cá nhân ngoài Học viện. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp và giữ bí mật nhà nước của cá nhân, tổ chức trong hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo.

7. Thực hiện nghĩa vụ và cơ chế quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, thanh tra theo quy định.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Giám đốc Học viện giao.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 7. Cơ cấu và tổ chức của Viện

Cơ cấu tổ chức của Viện bao gồm: Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 8. Viện trưởng và Phó Viện trưởng

1. Lãnh đạo Viện gồm: 01 Viện trưởng và 03 Phó Viện trưởng đến hết 05 năm kể từ ngày thành lập Viện. Hết thời hạn 05 năm, Viện có không quá 02 Phó Viện trưởng.

2. Viện trưởng là người đại diện theo pháp luật của Viện, Viện trưởng và Phó Viện trưởng do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện trưởng

a) Chỉ đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Viện theo chế độ thủ trưởng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Học viện về hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Viện.

d) Quyết định số lượng người làm việc, vị trí quản lý các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ; về tiêu chuẩn và tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động của Viện theo quy định; quyết định tuyển dụng, ký và chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đối với các cá nhân để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Viện theo đúng quy định của Nhà nước và của Học viện; quyết định bổ nhiệm/giao nhiệm vụ, thuê đảm nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi chức vụ/nhiệm vụ đối với các chức danh của các đơn vị thuộc Viện.

e) Quyết định mức lương, phụ cấp lương, chi bổ sung, tăng thêm và các chế độ ưu đãi cụ thể khác đối với cá nhân làm việc tại Viện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

f) Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định, quy chế khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Riêng Quy chế chi tiêu nội bộ trước khi ban hành cần phải có ý kiến của Ban Tài chính và Kế toán.

g) Thực hiện công tác đối ngoại đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

h) Mời các nhà khoa học và cộng tác viên trong và ngoài nước đến Viện làm việc theo đúng quy định.

4. Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng trong các lĩnh vực công tác được Viện trưởng giao; được quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về công việc được giao.

5. Khi Viện trưởng vắng mặt, Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền quản lý và điều hành hoạt động của Viện.

Điều 9. Các bộ phận chức năng, chuyên môn

Các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ (không phải đơn vị hành chính) bao gồm:

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp.

2. Phòng Phát triển thị trường.

3. Phòng Công nghệ khoai tây.
4. Phòng Công nghệ vi sinh.
5. Phòng Nông nghiệp công nghệ cao.
6. Phòng Nghiên cứu lúa.
7. Phòng Nghiên cứu ngô.
8. Phòng Nghiên cứu rau và hoa.
9. Phòng Công nghệ nông nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận chức năng, chuyên môn, số lượng và tên gọi của các bộ phận chức năng, chuyên môn có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Viện. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể, tổ chức lại các bộ phận chức năng, chuyên môn do Viện trưởng quyết định.

Điều 10. Nhân lực của Viện

1. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và người làm việc kiêm nhiệm, cộng tác viên.
2. Quyền và nhiệm vụ của người lao động.
 - a) Được hưởng các quyền của người lao động theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ.
 - b) Được đánh giá, xếp loại hằng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; được xét thi đua, khen thưởng theo quy định.
 - c) Thực hiện nội quy, quy chế, quy định của Viện, Học viện và của Nhà nước.
 - d) Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, các công việc khác và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, Giám đốc Học viện và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - e) Tham gia góp ý kiến vào việc phát triển Viện, Học viện; tham gia xây dựng các nội quy, quy chế, quy định và giải quyết những vấn đề có liên quan, tham gia đánh giá kết quả hoạt động của Viện, Học viện.
 - f) Người lao động theo đánh giá, xếp loại hằng năm không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc vi phạm pháp luật, kỷ luật lao động bị xem xét, xử lý theo quy định.
 - g) Bảo vệ lợi ích, giữ gìn và phát triển thương hiệu của Viện, của Học viện trong các quan hệ giao dịch, hợp tác với tổ chức, cá nhân ngoài Học viện. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp và giữ bí mật nhà nước của cá nhân, tổ chức trong hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo.

Chương IV CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH

Điều 11. Quản lý tài chính và tài sản

1. Viện xây dựng kế hoạch cụ thể tạo nguồn kinh phí theo nguyên tắc đảm bảo cân đối thu chi nhằm duy trì hoạt động của Viện.

2. Quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của Viện được thực hiện theo các quy định của Nhà nước, của Học viện và của Viện; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật và của Học viện.

3. Thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng tài sản theo các quy định của Nhà nước, của Học viện và của Viện.

Điều 12. Nguồn tài chính của Viện

1. Nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp.

2. Kinh phí từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, chương trình nghiên cứu và kinh phí từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng bản quyền và các hoạt động dịch vụ, kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn lợi nhuận do đóng góp vốn, vay, mượn, tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 13. Các khoản chi của Viện

Các khoản thu của Viện sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

1. Trả tiền lương và tiền phụ cấp chức vụ, đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động làm việc trong Viện. Chi trả tiền công, thù lao, tiền thu nhập tăng thêm, tiền khen thưởng ... (nếu có).

2. Chi trả cho các hợp đồng thuê mượn có thời hạn để thực hiện các nhiệm vụ trong đơn vị.

3. Chi phí hoạt động theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

4. Mua sắm, thuê các phương tiện vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của Viện.

5. Đóng góp vốn với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của pháp luật

6. Các khoản chi khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

7. Thực hiện trích lập các quỹ theo quy định.

8. Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện.

Điều 14. Tài sản của Viện

1. Tài sản của Viện được Học viện giao và các tài sản khác được Viện tự trang bị để phục vụ nhu cầu hoạt động của Viện theo quy định của Học viện và các quy định của Nhà nước về đầu tư, quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất. Chịu trách nhiệm quản lý các loại tài sản và kiểm kê tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện.

2. Các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các tài sản trí tuệ khác hình thành từ nguồn vốn đầu tư của Viện thuộc quyền sở hữu của Viện, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

3. Các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và các tài sản trí tuệ khác hình thành ngân sách sự nghiệp khoa học do Viện là cơ quan chủ trì thực hiện được phân quyền chủ sở hữu, sở hữu trí tuệ cho Viện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các tài sản và nguồn thu chính của Viện được hình thành nhằm phục vụ các mục đích phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp không được chuyển thành sở hữu cá nhân dưới mọi hình thức.

Chương V

GIẢI THỂ

Điều 15. Giải thể

Viện giải thể trong các trường hợp sau:

1. Tự nguyện chấm dứt hoạt động.
2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.
3. Hoạt động không có hiệu quả, không có khả năng thực hiện chức năng nhiệm vụ của Viện trong thời gian dài.
4. Vi phạm quy định, quy chế của Học viện đến mức phải giải thể.
5. Vi phạm pháp luật đến mức phải giải thể.

Học viện sẽ xem xét quyết định việc đình chỉ hoạt động hoặc giải thể Viện. Trong trường hợp giải thể, Viện sẽ thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Học viện. Toàn bộ các tài sản của Viện sau khi thanh toán các khoản công nợ và đóng góp của các thành viên (nếu có), sẽ được trao lại cho Học viện.

Chương VI

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Quan hệ nội bộ trong Viện

1. Viện hoạt động theo chế độ thủ trưởng.
2. Các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ trong Viện có chức năng tham mưu và giúp Viện trưởng điều hành và triển khai các hoạt động của Viện theo từng lĩnh vực được phân công. Quan hệ giữa các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ trong Viện là quan hệ ngang cấp, phối hợp hoạt động để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 17. Quan hệ giữa Viện với Học viện

1. Viện trưởng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Học viện về mọi hoạt động của Viện.
2. Quan hệ giữa Viện với các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện là quan hệ đồng cấp, phối hợp hoạt động nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Trường hợp không thống nhất trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ với các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, cần xin ý kiến của Giám đốc Học viện.

Chương VII

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG

Điều 18. Chế độ thông tin

Viện có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Học viện và các cơ quan, tổ chức có liên quan về các hoạt động của Viện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Thực hiện báo cáo chương trình công tác tháng, quý, năm và các báo cáo đột xuất cho Học viện theo quy định.
2. Phó Viện trưởng báo cáo Viện trưởng.
 - a) Tình hình thực hiện những công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách, những việc cần xin ý kiến của Viện trưởng.
 - b) Nội dung và kết quả các hội nghị, cuộc họp khi Viện trưởng ủy quyền tham dự hoặc chỉ đạo các hội nghị, cuộc họp đó.
3. Các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ:
 - a) Trưởng các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ phải thực hiện chế độ thông tin báo cáo Viện trưởng theo quy định của Viện.
 - b) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp của Viện có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các bộ phận chức năng, chuyên môn nghiệp vụ trong Viện thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Viện trưởng.

Điều 20. Chế độ kỷ luật lao động

Người lao động của Viện phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chế độ kỷ luật lao động, bao gồm:

1. Nghiêm túc chấp hành sự điều động, phân công nhiệm vụ của Giám đốc Học viện, Viện trưởng.
2. Bảo đảm hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, không trốn tránh trách nhiệm được giao.
3. Không tiết lộ thông tin liên quan đến các hoạt động, các chương trình công tác của Viện khi chưa được sự đồng ý của Viện trưởng.

4. Sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, có mặt đúng giờ tại Viện theo quy định. Không sử dụng thời gian làm việc của Viện để làm việc riêng. Không đi muộn, về sớm, tụ tập gây mất trật tự trong Viện và Học viện.

5. Khi tham gia các cuộc họp phải thể hiện thái độ nghiêm túc, phát biểu ý kiến phải trên tinh thần xây dựng, không làm việc riêng trong giờ họp. Trường hợp có nhiệm vụ đột xuất không thể tiếp tục tham dự cuộc họp, phải báo cáo và được sự đồng ý của chủ tọa cuộc họp.

6. Trong quan hệ công tác phải tuân thủ thứ bậc hành chính, chấp hành quy chế làm việc và thể hiện rõ chính kiến của cá nhân, cấp dưới phải nghiêm túc chấp hành ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

7. Không được tự ý bỏ việc; nghỉ việc riêng phải báo cáo theo quy định; khi đi ra ngoài Viện trong giờ làm việc phải báo cáo rõ lý do và được sự đồng ý của Viện trưởng.

8. Không được tự ý đưa khách vào nơi làm việc.

9. Thực hiện nghiêm quy định về văn hóa công sở và các nội quy, quy chế, quy định khác về trách nhiệm, nghĩa vụ của người lao động và những điều người lao động không được làm.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Những nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Viện không được nêu tại Quy chế này thì áp dụng theo các quy định pháp luật khác liên quan hoặc Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình hoạt động, Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Giám đốc Học viện quyết định./.

